

Chi tiết mã HS 8513.90.10

Mã HS	8513.90.10
Mô tả hàng hóa	Đèn điện xách tay được thiết kế để hoạt động bằng nguồn năng lượng riêng của nó (ví dụ, pin khô, ắc qui, magneto), trừ thiết bị chiếu sáng thuộc nhóm 85.12 / - Bộ phận: / - - Cửa đèn gắn trên mũ thợ mỏ hoặc của đèn thợ khai thác đá
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	01/11/2026 03:42:24
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 - BIEU THUẾ XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85139010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15243
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15243
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15243
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-TH)	0% (trừ TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-TH)	0% (trừ TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14548
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14489
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14489
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14489
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14489
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14489
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14489
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14543
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14543

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14543
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14543
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14543
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14543
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14544
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14544
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14544
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14544
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14544
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14544
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14547
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14495
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14503
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14503
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14503
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14503
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14503
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14503
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14534
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14534
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14534
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14534
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14534
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14534
VCFTA	2022	2022	0	VC!D14589
VCFTA	2023	2023	0	VC!E14589

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14589
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14589
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14589
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14589
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D14566
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E14566
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F14566
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14566
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14566
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14566
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D14566
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E14566
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F14566
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G14566
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H14566
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I14566
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D14581
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E14581
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F14581
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14581
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14581
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14581
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D14580
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E14580
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F14580
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14580

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14580
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14580
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14573
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14573
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14573
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14573
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14573
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14573
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14573
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14568
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14568
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14568
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14568
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14568
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14568
RCEP B	2022	2022	0	B!D14568
RCEP B	2023	2023	0	B!E14568
RCEP B	2024	2024	0	B!F14568
RCEP B	2025	2025	0	B!G14568
RCEP B	2026	2026	0	B!H14568
RCEP B	2027	2027	0	B!I14568
RCEP C	2022	2022	0	C!D14568
RCEP C	2023	2023	0	C!E14568
RCEP C	2024	2024	0	C!F14568
RCEP C	2025	2025	0	C!G14568
RCEP C	2026	2026	0	C!H14568

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I14568
RCEP D	2022	2022	0	D!D14567
RCEP D	2023	2023	0	D!E14567
RCEP D	2024	2024	0	D!F14567
RCEP D	2025	2025	0	D!G14567
RCEP D	2026	2026	0	D!H14567
RCEP D	2027	2027	0	D!I14567
RCEP E	2022	2022	0	E!D14571
RCEP E	2023	2023	0	E!E14571
RCEP E	2024	2024	0	E!F14571
RCEP E	2025	2025	0	E!G14571
RCEP E	2026	2026	0	E!H14571
RCEP E	2027	2027	0	E!I14571
RCEP F	2022	2022	0	F!D14568
RCEP F	2023	2023	0	F!E14568
RCEP F	2024	2024	0	F!F14568
RCEP F	2025	2025	0	F!G14568
RCEP F	2026	2026	0	F!H14568
RCEP F	2027	2027	0	F!I14568
VIFTA	2024	2024	0	VI!F13557
VIFTA	2025	2025	0	VI!G13557
VIFTA	2026	2026	0	VI!H13557
VIFTA	2027	2027	0	VI!I13557

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8513.90 có 3 dòng thuế; dòng 8513.90.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Cửa đèn gắn trên mũ thợ mỏ hoặc của đèn thợ khai thác đá.	8513.90.30 Bộ phản quang của đèn chớp; chi tiết trượt (gạt) bằng plastic dùng cho cơ cấu công tắc đèn chớp; 8513.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8513.90.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8513.90.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15243), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.